



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	01	30	2,5	01	Phong	6
2	000002	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	31	4,0	02	Phong	chấn
3	000003	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	32	8,3	01	Phong	lê
4	000004	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	33	5,5	01	Anh	chấn
5	000005	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	34	5,8	01	Phong	lê
6	000006	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	35	2,0	01	Phong	chấn
7	000007	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	36	4,8	01	Anh	lê
8	000008	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01					ĐK
9	000009	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	37	3,8	01	Anh	lê
10	000010	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01					HP,ĐK
11	000011	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					Vắng
12	000012	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	38	4,5	01	Phong	chấn
13	000013	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	39	4,5	01	Anh	lê
14	000014	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
15	000015	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	40	3,5	01	Phong	lê
16	000016	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	41	5,0	01	Bình	chấn
17	000017	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	42	3,0	01	Đặng	lê
18	000018	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	43	3,5	01	Đạt	chấn
19	000019	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	44	10,8	01	Đạt	lê
20	000020	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	45	7,5	01	Duyên	chấn
21	000021	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	46	5,0	01	Phong	lê
22	000022	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	47	5,5	1	Hà	chấn
23	000023	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	48	4,8	1	Hải	lê
24	000024	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	49	5,5	1	Phong	chấn
25	000025	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	50	5,5	1	Hiền	lê
26	000026	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	51	1,5	1	Hiền	chấn
27	000027	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	52	4,5	1	Hiệp	lê
28	000028	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	53	3,0	1	Hiếu	chấn 3,0
29	000029	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	54	4,5	1	Hoa	lê

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 2

Ngày 19 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

Trần Thị Bích Thục



1-29

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức *2*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	1	7,0	1	Hoàng	chẵn
2	000031	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	2	5,3	1	Hồng	lẻ
3	000032	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	3	5,0	1	Khánh	chẵn
4	000033	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	4	6,5	01	Lan	lẻ
5	000034	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	5	5,3	1	Linh	chẵn
6	000035	1101030596	Lê Thuý	Linh	04/09/2005	QM11A	01	6	5,0	1	Linh	lẻ
7	000036	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	7	3,5	1	Linh	chẵn
8	000037	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	8	5,3	1	Long	lẻ
9	000038	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	9	3,3	1	Ly	chẵn
10	000039	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	10	5,3	1	Mai	lẻ
11	000040	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01	11	2,5	1	Mạnh	chẵn
12	000041	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	12	4,8	1	Nga	HP (kí nộp) <i>lẻ</i>
13	000042	1101030650	Bùi Thảo	Nguyễn	09/10/2005	QM11A	01	13	5,0	1	Nguyễn	chẵn
14	000043	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	14	3,8	1	Nhung	lẻ
15	000044	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	15	4,8	1	Oanh	chẵn
16	000045	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	16	3,3	1	Phuong	lẻ
17	000046	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	17	5,3	1	Quân	chẵn
18	000047	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	18	4,5	1	Quỳnh	lẻ
19	000048	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	19	7,5	1	Chiến	chẵn
20	000049	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	20	4,8	1	Thảo	lẻ
21	000050	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	21	7,5	1	Thịnh	chẵn
22	000051	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	22	5,5	1	Thư	lẻ
23	000052	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	23	5,5	1	Thúy	chẵn
24	000053	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	24	4,0	1	Trà	lẻ
25	000054	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	25	5,0	1	Trang	chẵn
26	000055	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP, ĐK
27	000056	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	26	6,0	1	Tùng	chẵn
28	000057	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	27	6,5	1	Tùng	lẻ
29	000058	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	28	8,5	2	Yến	chẵn
30	000059	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	29	4,5	1	Yến	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: *29*.....

Tổng số tờ giấy thi: *30*.....

Tổng số biên bản: *0*.....

Ngày *19* tháng *6* năm *2026*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Kim Dung

Trình Thu Trang